

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2024-2025

Tên nhóm: 2 tuổi C

Số lượng trẻ trong nhóm: 20 trẻ

Số giáo viên: 02

Tên giáo viên: Lưu Phương Thảo – Lê Thị Hiền

I. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn, uống	
MT1: Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định (Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 – 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal); Trẻ được uống đủ nước phù hợp với độ tuổi (khoảng 0,8 – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).	- Ăn đủ bữa ăn (bữa chính và một bữa phụ) + Bữa chính buổi trưa (cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày) + Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 30% năng lượng cả ngày -Thức đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa -Nước uống thường xuyên trong ngày (nước chín) + Nước uống trong thức ăn
Tổ chức ngủ	
MT2: Trẻ được ngủ theo nhu cầu của độ tuổi (ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút)	- Ngủ trưa đúng giờ, ngủ đủ giấc, ngủ an toàn.
Vệ sinh	
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân sạch sẽ, thường xuyên, Môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ thường xuyên được đảm bảo vệ sinh	- Rửa tay (trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... Rửa mặt khi trẻ ngủ dậy, khi có nhu cầu - Trẻ đi vệ sinh theo nhu cầu, đúng nơi quy định.

	- Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải ngày/lần
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT4: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. phòng chống SDD và béo phì.	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). - Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
MT5: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp. Tiêm chủng theo quy định. Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (... các bệnh theo mùa, ...) - Theo dõi tiêm chủng theo chương trình của Y tế, uống các loại vitamin - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh TNTT cho trẻ.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ NHÀ TRẺ

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' - 7h45'	Đón trẻ	7h00' - 8h00'	Đón trẻ
7h45' - 9h45'	Chơi - Tập	8h00' - 9h00'	Chơi - Tập
9h45' - 10h45'	Ăn chính	9h00' - 10h00'	Ăn chính
10h45' - 13h15'	Ngủ	10h45' - 13h15'	Ngủ
13h15' - 14h	Ăn phụ	13h15' - 14h	Ăn phụ
14h - 15h45'	Chơi - Tập buổi chiều	14h - 15h30'	Chơi - Tập
15h45' - 16h45'	Trả trẻ	15h30' - 16h30'	Trả trẻ

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

Lĩnh vực phát triển GD	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT6: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A Trẻ 24 tháng: +Trẻ trai:Cân nặng: 9,7 đến 15,3 (kg) Chiều cao: 81,7 đến 93,9cm +Trẻ gái: Cân nặng: 9,1 đến 14,8 (kg) Chiều cao: 80,0 đến 92,9cm - Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 đến 18,3 (kg) Chiều cao: 88,7 đến 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 đến 18,1 (kg) Chiều cao: 87,4 đến 102,7cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi - Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Cân trẻ 3tháng 1 lần. Đo trẻ 3 tháng 1 lần. Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.
	Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
	MT7: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân <i>-Trẻ tập các động tác theo các bản nhạc nhạc</i>

-Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo nhạc bài hát, bản nhạc, dụng cụ thể dục.	
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.	
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi -Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, bước vào các ô theo yêu cầu của cô	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay. - Dừng co một chân. - Đi bước vào các ô - Đi bước qua gậy kê cao 20cm - Đi theo đường gấp khúc có mang vật trên tay
MT9: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh .
MT10: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng -Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong khi bò trườn	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản - Bò thẳng hướng trong đường hẹp - Bò chui qua ống - Trườn chui qua cổng - Trườn qua vật cản (Qua chiếc chiếu)
MT11: Trẻ biết nhún bật -Trẻ biết nhún bật về phía trước theo cô	- Bật tại chỗ -Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân - Bật vào vòng -Bật qua vật cản

	MT12: Trẻ thực hiện phối hợp tay - mắt trong vận động tung, bắt bóng. <i>-Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động vận động lăn, đập tung, bắt bóng.</i>	-Tung - bắt bóng với cô (ở khoảng cách 1m) - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bóng bằng 2 tay - Lăn và bắt bóng với cô - Lăn bóng về phía trước - Đập và bắt bóng - Tung bóng qua dây - Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng khoảng cách 2 m)
	MT13: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng. <i>-Trẻ có thể thực hiện 2 vận động cơ bản theo khả năng hoặc theo yêu cầu.</i>	- Ném bóng về phía trước (ném xa về phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m) -Ném bóng vào đích (ném vào đích xa 1-1,2m.) -Đá bóng vào đích (đích xa 1-1,2m) - Kết hợp thực hiện 2 vận động cơ bản không cùng dạng. - Bài tập tổng hợp
	Thực hiện vận động của bàn tay ngón tay	
	MT14: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Nhón nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
	MT15: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cửi cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào.

		- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật
MT16: Trẻ biết chấp ghép được các mảnh hình <i>-Trẻ biết xếp chồng,xếp cạnh,xếp lồng các khối.các hộp,cốc</i>		- Chấp ghép hình - Xếp chồng 6 - 8 khối -<i>Xếp chồng,xếp cạnh,xếp lồng các khối hình, các hộp, cốc</i>
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt		
MT17: Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ		- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ.
MT18: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
MT19: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định		- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định
MT20: Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa		- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
MT21: Trẻ có một số nề nếp thói quen trong sinh hoạt hàng ngày.		.- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt : Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước sau khi ăn và vứt rác đúng nơi quy định
MT22: Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ		- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe		

	MT23: Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép. - Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất...
	MT24: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép
	MT25: Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn.	- Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tự lấy nước uống, đi vệ sinh.
	Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
	MT 26: Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm(như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần.
	MT27: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	
	MT 28: Nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	MT 29: Trẻ biết kể tên một số lễ hội trong năm và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội đó.	- Kể tên một số lễ hội: đầu xuân, lễ hội nhà trường tổ chức và biết đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội.
	MT30: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.

MT31: Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.
MT32: Trẻ biết tên gọi của một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm.	- Tên đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/ lớp.
MT33: Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
MT34: Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc	Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ chơi quen thuộc.
MT35: Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT36: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả, rau quen thuộc.
MT37: Chỉ nói tên và lấy hoặc cắt đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh
MT38: Chỉ nói tên hặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ
MT39: Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ
MT40: Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông. <i>-Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.</i>	- Hình tròn, hình vuông. - Nhận biết, gọi tên các hình, hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
MT41: Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
Luyện tập và phối hợp các giác quan	

	MT42: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn. - Sờ nắn nhìn ngửi nếm ... đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
	MT43: Trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cất giấu	Tìm đồ vật vừa mới cất giấu
	MT44: Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật. - Nghe và nhận biết tiếng kêu một số con vật quen thuộc.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	Nghe hiểu lời nói	
	MT45: Trẻ nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
	MT46: Trẻ nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
	MT47: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói
	MT48: Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì?”; “thế nào?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao”
	MT49: Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	- Nghe truyện ngắn

MT50: Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố <i>-Trẻ đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố</i>	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố <i>- Trẻ đọc thuộc 1 số bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố</i>
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT51: Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau
MT52: Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
MT53: Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc được các bài thơ, đồng dao ngắn có 3 - 4 tiếng
MT54: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT55: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi khi trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: cái gì đây?, con gì đây? ...
MT56: Trẻ biết nói rõ ràng đủ nghe, lễ phép	-Sử dụng cá từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
MT57: Trẻ biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.	-Biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.
Làm quen với sách	
MT 58: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách

	MT59: Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	MT60: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Nhận biết gọi, một số đặc điểm tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: mắt, mũi, miệng, tay, chân.
	MT61: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng thái của trẻ
	MT62: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn
	MT63: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi.	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận của cô.
	MT64: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.
	MT65: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.
	MT66: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa , giao tiếp Chào, tạm biệt , cảm ơn, vâng ạ.
	MT67: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thể hiện hành vi xã hội đơn giản.
	MT68: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác. <i>-Trẻ biết cách chơi với đồ chơi, và bảo quản đồ dùng đồ chơi của lớp.</i>	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi của bạn cùng chơi. <i>-Không quăng quật đồ chơi, biết cất đồ chơi đúng nơi quy định.</i>
	MT69: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên

		- Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định
MT70: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc..		- Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc
MT71: Trẻ biết lắng nghe hát, nghe nhạc, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.		Nghe hát, nghe nhạc, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.
MT72: Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cân bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình,
MT73: Trẻ thích xem tranh		- Xem tranh ảnh theo chủ đề - Xem tranh ảnh về các sự vật, con vật gần gũi quen thuộc .
<i>MT74: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của mùa hè</i>		- Tên và một số đặc điểm nổi bật về thời tiết, trang phục, các hoạt động của con người trong mùa hè.
<i>MT 75: Trẻ thực hiện một số quy định nơi công cộng.</i>		- Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc con vật cây cối, cây cảnh. - Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe - Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi. - Thực hiện 1 số quy định khi tham gia giao thông
<i>MT76: Trẻ biết tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích có sự sáng tạo.</i>		- Tạo ra sản phẩm theo ý thích có sự sáng tạo.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ LỚN, CHỦ ĐỀ NHÁNH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thứ tự tuần	Tên chủ đề dự kiến	Số tuần và thời gian thực hiện	Các sự kiện
HỌC KỲ I (Thời gian từ 05/09/2024 đến 10/01/2024)			
Chủ đề 1: Bé và các bạn		4 tuần (05/9/2024 -4/10/2024)	
Tuần 1	Ngày hội đến trường của bé	Từ 5/9/2024 đến 13/9/2024	<i>Ngày khai giảng</i>
Tuần 2	Lễ hội mùa thu	Từ 16/9/2024 đến 20/9/2024	<i>Tết trung thu</i>
Tuần 3	Cô giáo và các bạn thân yêu của bé	Từ 23/9/2024 đến 27/9/2024	
Tuần 4	Bé yêu đến lớp	Từ 30/9/2024 đến 04/10/2024	
Chủ đề 2: Đồ chơi của bé		4 tuần (07/10/2024 - 01/11/2024)	
Tuần 5	Những đồ chơi bé thích	Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024	
Tuần 6	Đồ chơi quen thuộc gần gũi	Từ 14/10/2024 đến 18/10/2024	<i>Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10</i>
Tuần 7	Đồ chơi lắp ráp xây dựng	Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024	
Tuần 8	Đồ chơi có thể chuyển động được	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	
Chủ đề 3: Các cô, các bác trong Nhà trẻ		4 tuần (04/11/2024-29/11/2024)	
Tuần 9	Các cô trong ban giám hiệu nhà trường	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	
Tuần 10	Các bác cấp dưỡng của bé	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	
Tuần 11	Cô giáo của em	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	<i>Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11</i>
Tuần 12	Đồ dùng của các cô các bác trong nhà trẻ	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	

III.

Chủ đề 4: Mẹ và những người thân yêu của bé		4 tuần (02/12/2024 - 27/12/2024)	
Tuần 13	Mẹ yêu của bé	Từ 02/12/2024 đến 06/12/2024	
Tuần 14	Những người thân yêu trong gia đình bé	Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024	
Tuần 15	Ngôi nhà thân yêu của bé	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	<i>Ngày quân đội nhân dân Việt Nam 22/12</i>
Tuần 16	Đồ dùng trong gia đình bé	Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024	
Chủ đề 5: Cây và những bông hoa đẹp		3 tuần (30/12/2024 - 17/01/2025)	
Tuần 17	Em yêu cây xanh	Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025	
Tuần 18	Các loại quả ngon bé thích	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	
Tuần 19	Hoa trong vườn	Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025	
HỌC KỲ II (Thời gian từ 13/01/2025 đến 23/05/2025)			
NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN			
(Thời gian nghỉ từ 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025 (tức 28 tháng chạp đến 11 tháng giêng âm lịch))			
Chủ đề 6 : Tết và mùa xuân		2 tuần (20/01/2025 - 14/02/2025)	
Tuần 20	Bé vui đón Tết	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025	
Tuần 21	Lễ hội mừng xuân	Từ 10/02/2025 đến 14/02/2025	
Chủ đề 7: Những con vật đáng yêu		4 tuần (17/02/2025 - 14/03/2025)	

Tuần 22	Động vật nuôi trong gia đình	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025	
Tuần 23	Những con vật sống trong rừng	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025	
Tuần 24	Những con vật sống dưới nước	Từ 03/03/2025 đến 07/03/2025	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3
Tuần 25	Những con vật biết bay	Từ 10/03/2025 đến 14/03/2025	,
Chủ đề 8: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện gì		4 tuần (17/03/2025 - 11/04/2025)	
Tuần 26	Bé hiểu luật lệ ATGT	Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025	
Tuần 27	Phương tiện giao thông đường bộ	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	
Tuần 28	Phương tiện giao thông đường thủy	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	
Tuần 29	Phương tiện giao thông đường hàng không	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025	
Chủ đề 9: Mùa hè đến rồi		3 tuần (14/04/2025 - 02/05/2025)	
Tuần 30	Quần áo, trang phục mùa hè	Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025	
Tuần 31	Bé làm gì trong mùa hè?	Từ 21/04/2025 đến 25/04/2025	

Tuần 32	Một số hoạt động trong mùa hè	Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025	Ngày giải phóng Miền Nam 30/4 -QTLĐ 1/5
Chủ đề 10 : Bé lên mẫu giáo		3 tuần(05/05/2025 - 23/05/2025)	
Tuần 33	Lớp mẫu giáo 3 tuổi của bé	Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025	
Tuần 34	Các hoạt động của bé ở lớp mẫu giáo	Từ 12/05/2025 đến 16/05/2025	
Tuần 35	Bác Hồ kính yêu	Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025	Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH (Có phụ lục kèm theo)

Xác nhận của nhà trường

Phó hiệu trưởng



Hoàng Thị Thanh

Xác nhận của tổ CM

Tổ trưởng

Nguyễn Thị Tươi

Giáo viên lập kế hoạch

Lưu Phương Thảo